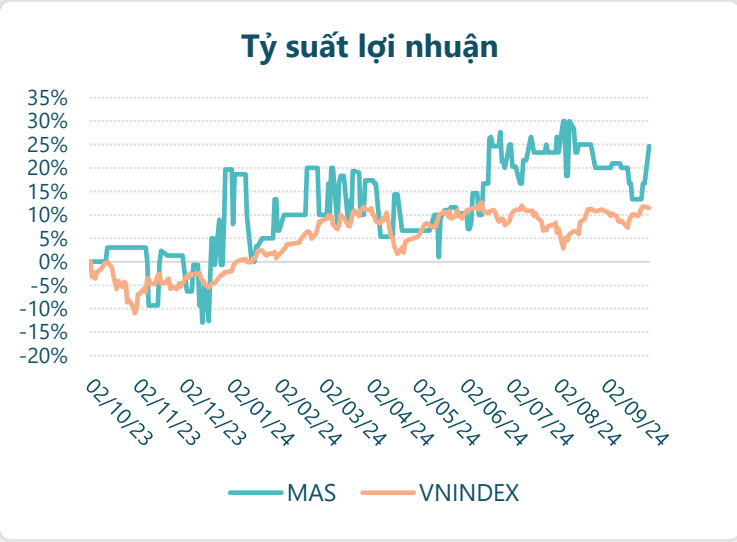


Ngày	37,400 VNĐ		
30/09/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	3.9%	3.6%	6.3%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	26,100 - 39,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	160
Số lượng CPLH (CP)	4,267,683
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,310
Sở hữu nước ngoài	15.6%
Beta	(0.40)
EPS	1,729
P/E	21.6



Doanh thu thuần
Q3/24

48.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.70 | -3.5%

YoY: ▲4.90 | 11.3%

Nợ/VCSH
Q3/24

131%

YoY: +/-▼11.0%

LN gộp
Q3/24

8.54

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.86 | -17.8%

YoY: ▲0.24 | 2.9%

ROE (TTM)
Q3/24

22.7%

YoY: +/-▼3.2%

LN trước thuế
Q3/24

1.46

tỷ VNĐ

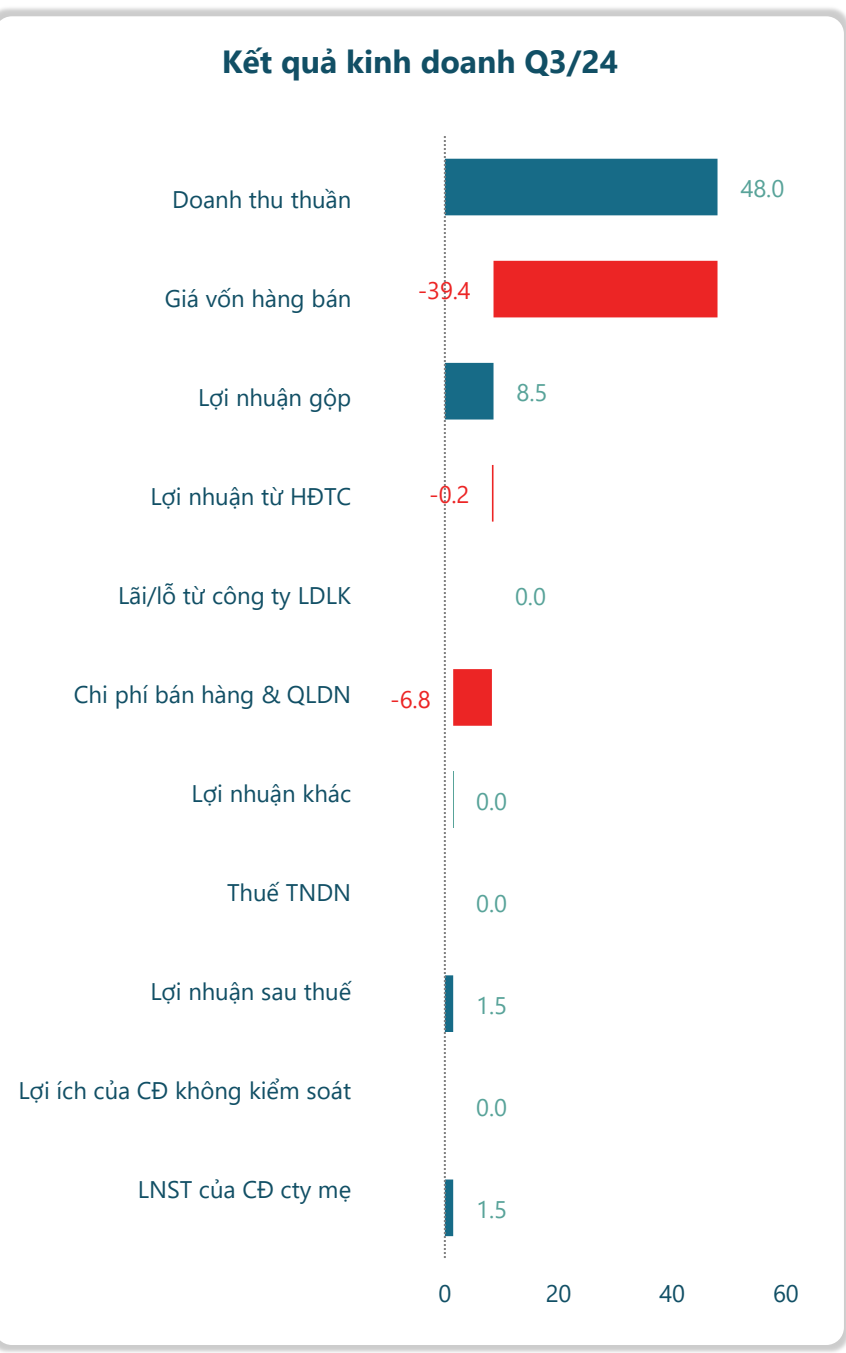
QoQ: ▼2.32 | -61.5%

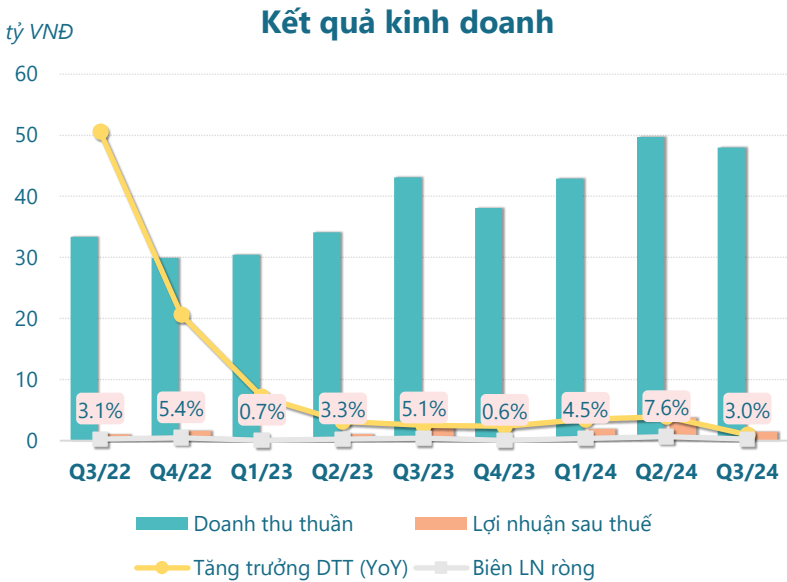
YoY: ▼0.74 | -33.8%

ROA (TTM)
Q3/24

9.7%

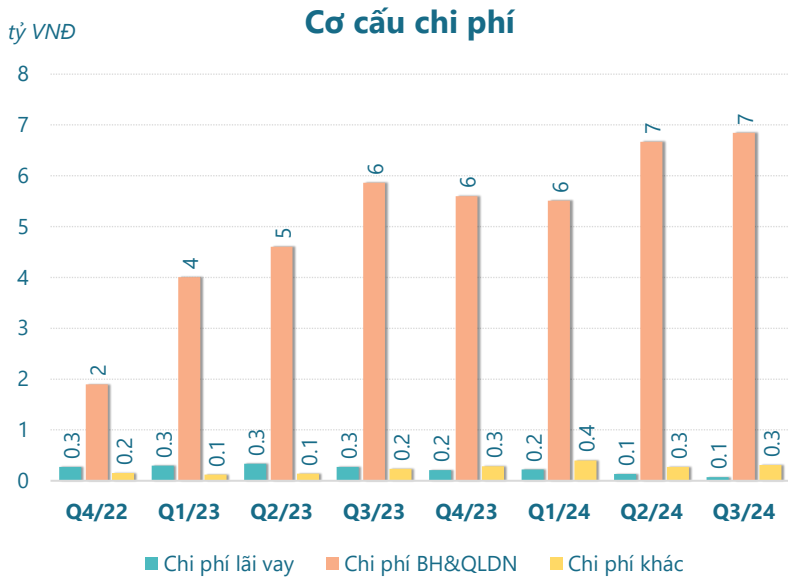
YoY: +/-▼1.0%





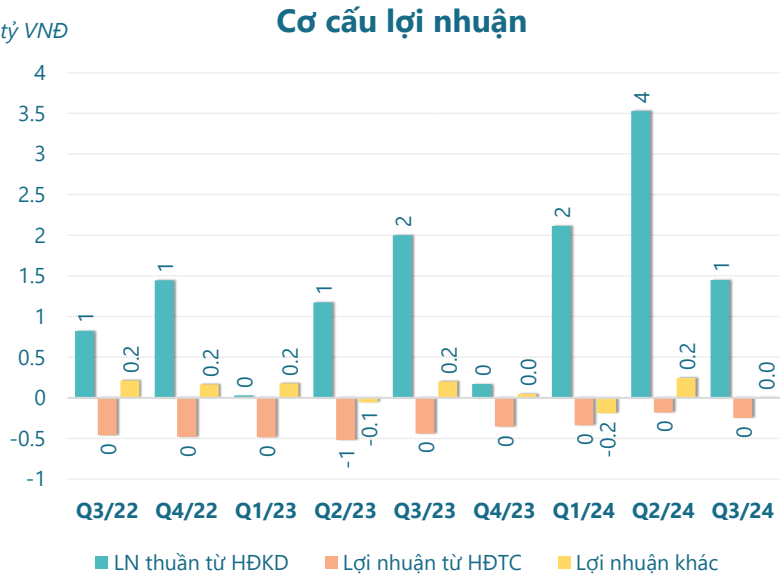
Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 1.45 tỷ đồng**, giảm đi 58.9% so với kỳ trước và thấp hơn 27.5% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 0.25 tỷ đồng** giảm đi 0.07 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 0.19 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **bằng 0** giảm đi 100.0% so với kỳ trước và thấp hơn 100.0% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **MAS** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **47.98 tỷ đồng** tăng thêm **11.3%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 1.46 tỷ đồng, giảm sút 33.6%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **141.0 tỷ đồng** cao hơn 30.6% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 7.00 tỷ đồng** cao hơn 75.0% so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **0.07 tỷ đồng** giảm đi 50.0% so với kỳ trước và thấp hơn 74.1% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **6.85 tỷ đồng** tăng thêm 2.70% so với kỳ trước và cao hơn 16.9% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.31 tỷ đồng** tăng thêm 14.8% so với kỳ trước và cao hơn 29.2% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	48.0	49.7	-3.5%	43.1	11.3%	141	108	30.6%
Giá vốn hàng bán	39.4	39.3	0.3%	34.8	13.3%	114	88.5	28.5%
Lợi nhuận gộp	8.54	10.4	-17.8%	8.30	2.9%	26.9	19.1	40.6%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.14	-91.3%	0.02	-38.9%	0.23	0.02	917%
Chi phí TC	0.26	0.32	-18.7%	0.46	-43.5%	0.99	1.47	-32.2%
Chi phí lãi vay	0.07	0.14	-48.1%	0.27	-73.1%	0.43	0.90	-52.3%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	2.07	2.07	0.1%	1.99	4.1%	6.16	5.17	19.0%
Chi phí QLDN	4.77	4.60	3.8%	3.87	23.4%	12.9	9.30	38.4%
LN thuần từ HĐKD	1.45	3.53	-58.9%	2.00	-27.5%	7.10	3.21	121%
Lợi nhuận khác	0.00	0.25	-98.1%	0.20	-97.6%	0.06	0.33	-80.0%
LN trước thuế	1.46	3.78	-61.5%	2.20	-33.8%	7.16	3.53	103%
Lợi nhuận sau thuế	1.46	3.78	-61.5%	2.20	-33.8%	7.16	3.53	103%
LNST của CĐ cty mẹ	1.46	3.78	-61.5%	2.20	-33.8%	7.16	3.53	103%

